

Số: 209/BC-THCSHVL

Phước Lâm, ngày 12 tháng 8 năm 2024

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2024

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Tên cơ sở giáo dục

Trường trung học cơ sở Hồ Văn Long.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

- Địa chỉ: Hương lộ 20 ấp Phước Kế, xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

- Điện thoại: 02723.737242

- Website: <http://thcshovanlongcg.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

Loại hình: Trường THCS công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo Cần Giuộc.

#### 4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục tầm nhìn

Là một trong những trường THCS chất lượng trên địa bàn xã Phước Lâm mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

#### Sứ mạng

Xây dựng môi trường học tập có nền nếp, kỷ luật, trách nhiệm, văn minh và chất lượng tốt để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

#### Hệ thống giá trị cơ bản

Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

#### Mục tiêu chung

Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

#### 5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục - Lịch sử hình thành

Trường THCS Hồ Văn Long được thành lập năm 2018 theo Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 01 tháng 08 năm 2018 của Ủy Ban nhân dân huyện Cần Giuộc về việc đổi tên trường THCS Phước Lâm thành trường THCS Hồ Văn Long; trường THCS Hồ Văn Long có đầy đủ các phòng học, phòng chức năng và thiết bị

đạy học. Trường thuộc ấp Phước Kế, xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Tổng diện tích đất sử dụng của nhà trường là 4.445m<sup>2</sup>. Cơ sở vật chất của trường gồm đầy đủ tất cả các khối công trình theo quy định tại thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT thông tư ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT Thông tư ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia bao gồm: Khối phòng học - phòng học bộ môn, khối phục vụ học tập, khối hành chính - quản trị, khối công trình vệ sinh và các khối công trình phụ trợ khác. Trường có cổng trường, biển tên trường, hàng rào kiên cố; có nhà để xe dành cho CB-GV-NV và học sinh; có đủ nhà vệ sinh đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, phục vụ riêng cho giáo viên và học sinh (riêng cho nam và nữ).

Cảnh quan môi trường ngày càng được xây dựng theo hướng Xanh - Sạch - Đẹp được UBND tỉnh Long An công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định **số 4436/QĐ-UNND ngày 25 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Long An.**

Nhà trường đã từng bước xây dựng được đội ngũ giáo viên tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm, trường đều có giáo viên và học sinh tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi, học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Một số cán bộ, giáo viên được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp cấp trung học cơ sở trong các năm luôn đạt 100%. Số lượng học sinh giỏi từng bước được cải thiện và nâng lên, số lượng học sinh đạt giải cao trong các hội thi về phong trào văn nghệ, thể dục thể thao ngày càng nhiều và được duy trì ổn định.

Năm học 2023-2024, trường có tổng số CBQL-GV-NV là 26 trong đó có 02 CBQL, 19 GV, 05 NV. Số HS là 546 HS chia thành 14 lớp. Trường có tổ chức chi bộ Đảng gồm 12 đảng viên. Các tổ chức: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, Ban đại diện CMHS đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ. Với sự cố gắng của tập thể nhà trường, trường THCS Hồ Văn Long đã vinh dự đón nhận danh hiệu tập thể Lao động Xuất sắc năm học 2023-2024.

Sự phát triển của nhà trường không thể không nói đến vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

Quá trình hình thành và phát triển của trường THCS Hồ Văn Long luôn được sự quan tâm của Phòng Giáo dục và Đào tạo Cần Giuộc, UBND xã Phước Lâm luôn quan tâm chỉ đạo chỉ bộ nhà trường trong công tác Đảng, chỉ đạo các tổ chức chính trị xã hội trong quận phối hợp với nhà trường trong các hoạt động trên địa bàn quận. Về mặt an ninh-trật tự trường thuộc địa bàn đảm bảo của công an xã Phước Lâm, nên trong suốt quá trình phát triển của mình xã Phước Lâm đã cùng với trường phối hợp rất tốt trong việc đảm bảo môi trường an ninh-trật tự.

**6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.**

- Người đại diện pháp luật: Nguyễn Duy Đạt

- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Hương lộ 20, ấp Phước Kế, xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
- Số điện thoại: 0949.338.227
- Gmail: [nguyenduydat2008@gmail.com](mailto:nguyenduydat2008@gmail.com)

#### 7. Tổ chức bộ máy

**a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)**

Trường THCS Hồ Văn Long được thành lập từ ngày 01/8/2018 theo Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 01 tháng 08 năm 2018 của Ủy Ban nhân dân huyện Cần Giuộc.

**b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường**

- Quyết định (QĐ) số 6724/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện Cần Giuộc Về việc thành lập Hội đồng trường, Trường Trung học cơ sở Hồ Văn Long, huyện Cần Giuộc, nhiệm kỳ 2021-2025.

Danh sách Hội đồng trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Duy Đạt	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Bà Trần Thị Vàng	Đại diện tổ Văn phòng	Thư kí
3	Ông Lê Ngọc Nghi	Phó Bí thư chi bộ	Thành viên
4	Ông Lê Tấn Lộc	Bí thư Chi đoàn	Thành viên
5	Bà Mai Thị Hạnh	Đại diện tổ chuyên môn	Thành viên
6	Bà Nguyễn Thị Dung	Đại diện tổ chuyên môn	Thành viên
7	Bà Huỳnh Thị Thu Cúc	Đại diện tổ chuyên môn	Thành viên
8	Bà Võ Ái Minh	Đại diện tổ Văn phòng	Thành viên
9	Bà Nguyễn Thanh Dung	Đại diện tổ chuyên môn	Thành viên
10	Ông Đặng Thanh Hùng	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
11	Ông Đặng Thanh Phúc	PCT. UBND xã Phước Lâm	Thành viên
12	Ông Ngô Văn Quốc	Trưởng Ban Đại diện Cha mẹ học sinh	Thành viên
13	Em Trương Tú Bình	Đại diện học sinh	Thành viên

**c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục**

- Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng: Quyết định số 3779/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của UBND huyện Cần Giuộc về việc bổ nhiệm lại viên chức trường học.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2023 của UBND huyện Cần Giuộc về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý trường học.

**d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**

**Cơ chế hoạt động của trường THCS Hồ Văn Long**

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

### **Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục**

Trường THCS Hồ Văn Long được thành lập theo Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 01 tháng 08 năm 2018 của Ủy Ban nhân dân huyện Cần Giuộc thuộc địa bàn xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp.

Trường THCS Hồ Văn Long là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Cần Giuộc.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

**Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**

- + 01 Hội đồng trường với 13 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 12 đảng viên. Tổ chức Công đoàn có 27 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có hơn 500 đoàn viên với 13 chi đoàn thuộc.
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 02 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

**đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thơ điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Duy Đạt	Hiệu trưởng	0949338227	nguyenduydat2008@gmail.com
2	Lê Ngọc Nghi	Phó Hiệu trưởng	0983875714	lengocnghi@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Hương lộ 20, ấp Phước Kế, xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

**8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục**

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

**Chiến lược phát triển nhà trường:** Kế hoạch số 129/KH-THCSHVL ngày 24/06/2020 kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2021 và kế hoạch 05 năm 2021-2025 của trường THCS Hồ Văn Long.

**Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục:** Quyết định số 207/QĐ-THCSHVL ngày 20/10/2023 về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường năm học 2023-2024.

**II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

STT	Tên vị trí việc làm	Số người làm việc được giao/phê duyệt		Số người làm việc hiện có				
		Được giao	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HĐLĐ chuyên môn nghiệp vụ	HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ
<b>I.</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 02 vị trí.</b>							

STT	Tên vị trí việc làm	Số người làm việc được giao/phê duyệt		Số người làm việc hiện có				
		Được giao	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HĐLĐ chuyên môn nghiệp vụ	HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ
1	- Hiệu trưởng	1		1	1			
2	- Phó Hiệu trưởng	1		1	1			
<b>II. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 07 vị trí.</b>								
1	- Vị trí Giáo viên THCS hạng I	26		20	20			
2	- Vị trí Giáo viên THCS hạng II							
3	- Vị trí Giáo viên THCS hạng III							
4	- Vị trí Thiết bị, thí nghiệm	0		0	0			
5	- Giáo vụ	0		0	0			
6	- Tư vấn học sinh	0		0	0			
7	- Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0		0	0			
<b>III. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 04 vị trí.</b>								
1	- Vị trí Thư viện	0		0	0			
2	- Vị trí Kế toán	1		1	1			
3	- Nhân viên thủ quỹ	0		0	0			
4	- Vị trí Văn thư	1		1	1			
<b>IV. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí</b>								
1	- Vị trí Y tế học đường	1		1	1			
2	- Vị trí Bảo vệ	2		2				2

STT	Tên vị trí việc làm	Số người làm việc được giao/phê duyệt		Số người làm việc hiện có				
		Được giao	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HĐLĐ chuyên môn nghiệp vụ	HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ
	- Vị trí Phục vụ	0		1				1

100% giáo viên, nhân viên đạt chuẩn. Trong đó, 17 giáo viên có trình độ trên chuẩn.

Các giáo viên, nhân viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

#### 1. Diện tích: 4.445 m<sup>2</sup>

- Điểm trường: 01

- Diện tích bình quân: 8,45 m<sup>2</sup>/HS (đạt so với yêu cầu là 8 m<sup>2</sup>/HS)

#### 2. Số lượng, hạng mục khối hành chính quản trị, khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, khối phòng phục vụ sinh hoạt

TT	Các hạng mục	Đơn vị	Tổng số	Kiên cố	
				Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )
<b>1</b>	<b>Khối phòng học tập</b>				
	- Phòng học	phòng	<b>13</b>	13	672
	- Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng	<b>1</b>	1	54,6
	- Phòng học bộ môn Mỹ Thuật	phòng	<b>1</b>	1	54,6
	- Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	phòng	<b>1</b>	1	54,6
	- Phòng học bộ môn Hóa học	phòng	<b>1</b>	1	84,5
	- Phòng học bộ môn Vật lý	phòng	<b>1</b>	1	84,5
	- Phòng học bộ môn Sinh học	phòng	<b>1</b>	1	84,5
	- Phòng học bộ môn Công nghệ	phòng	<b>1</b>	1	68,6
	- Phòng học bộ môn tin học	phòng	<b>1</b>	1	84,5
	- Phòng học bộ môn ngoại ngữ	phòng	<b>1</b>	1	54,6
	- Phòng đa chức năng	phòng	<b>1</b>	1	54,6
<b>2</b>	<b>Khối phòng hỗ trợ học tập</b>				
	- Thư viện	phòng	<b>1</b>	1	96
	- Phòng thiết bị giáo dục (1)	phòng	<b>1</b>	1	48
	- Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	phòng	<b>1</b>	1	24
	- Phòng Đoàn, Đội	phòng	<b>1</b>	1	24
	- Phòng truyền thống	phòng	<b>1</b>	1	24

TT	Các hạng mục	Đơn vị	Tổng số	Kiên cố	
				Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )
<b>3</b>	<b>Khối phụ trợ</b>				
	- Phòng họp	phòng	<b>1</b>	1	54,6
	- Phòng các tổ chuyên môn	phòng	<b>0</b>	0	0
	- Phòng Y tế học đường	phòng	<b>1</b>	1	24
	- Phòng giáo viên	phòng	<b>1</b>	1	54,6
	- Phòng nghỉ giáo viên	phòng	<b>0</b>	0	0
	- Nhà đa năng	nhà	<b>0</b>	0	0
	- Nhà kho	nhà	<b>1</b>	1	48
<b>4</b>	<b>Khối phòng hành chính quản trị</b>				
	- Phòng Hiệu trưởng	phòng	<b>1</b>	1	27
	- Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng	<b>1</b>	1	27
	- Văn phòng	phòng	<b>1</b>	1	24
	- Phòng các tổ chức Đảng, đoàn thể	phòng	<b>1</b>	1	24
	- Phòng bảo vệ	phòng	<b>1</b>	1	10
<b>5</b>	<b>Khối phục vụ sinh hoạt</b>				
	- Phòng quản lý học sinh	phòng	<b>0</b>	0	0
	- Phòng sinh hoạt chung	phòng	<b>0</b>	0	0
	- Nhà ở nội trú cho học sinh	nhà	<b>0</b>	0	0

### 3. Thiết bị

STT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thiết bị dạy học hiện có	
			Số lượng	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu (%)
<b>I</b>	<b>Thiết bị dạy học tối thiểu</b>			
1	Thiết bị dạy học lớp 6	Bộ	2	100%
2	Thiết bị dạy học lớp 7	Bộ		
3	Thiết bị dạy học lớp 8	Bộ		
4	Thiết bị dạy học lớp 9	Bộ		
<b>II</b>	<b>Thiết bị dùng chung</b>			
1	Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi	Bộ	12	100%
2	Bàn ghế giáo viên	Bộ	19	100%
3	Máy vi tính quản lý	Bộ	6	100%
4	Phòng máy vi tính	Bộ	40	90%
5	Ti vi trong lớp học	Bộ	4	25%
6	Thiết bị âm thanh di động	Bộ	3	100%
7	Thiết bị phòng giáo dục môn mỹ thuật	Bộ	1	100%
8	Thiết bị phòng giáo dục môn âm nhạc	Bộ	1	100%
9	Thiết bị phòng dạy học học ngoại ngữ	Bộ	2	100%



STT	Thiết bị	Đơn vị tính	Thiết bị dạy học hiện có	
			Số lượng	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu (%)
10	Thiết bị phòng thí nghiệm Vật Lý	Bộ	0	
11	Thiết bị phòng thí nghiệm Hóa học	Bộ	0	
12	Thiết bị phòng thí nghiệm Sinh học	Bộ	0	
13	Thiết bị phòng thí nghiệm Công nghệ	Bộ	0	
14	Hệ thống bảng trượt trong lớp học	Bộ	0	
15	Ti vi tương tác cho phòng đa chức năng	Bộ	0	0
16	Thư viện điện tử	Bộ	0	
17	Máy vi tính xách tay	Bộ	2	10%
18	Bộ thiết bị micro cài áo cho giáo viên đứng lớp	Bộ	0	
19	Bộ thiết bị đồ chơi ngoài trời	Bộ	0	
20	Tủ đựng thiết bị	Cái		

#### 4. Danh mục SGK

##### + Lớp 6

Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 5/4/2021 của UBND về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 6 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An.

##### + Lớp 7

Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 7 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An.

##### + Lớp 8

Quyết định số 2554/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 8 (đợt 1) sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An.

Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của UBND về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 8 (đợt 2) sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An.

##### + Lớp 9

Quyết định số 4089/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của UBND về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 9 sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An.

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

- Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo thông tư số 18/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường

trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Được Sở GD&ĐT Long An chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 theo Quyết định số 518/QĐ-SGDĐT ngày 19/5/2023 và UBND tỉnh Long An công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định **số 4436/QĐ-UNND ngày 25 tháng 5 năm 2023**.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

**1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Kết quả tuyển sinh	<b>159</b>	<b>159</b>			
2	Tổng số học sinh theo từng khối	<b>546</b>	159	129	109	149
3	Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối					
4	Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày	<b>0</b>	0	0	0	0
5	Số lượng học sinh nam/học sinh nữ		159/81	129/55	109/53	149/64
6	Học sinh là người dân tộc thiểu số					
7	Học sinh khuyết tật					
8	Số lượng học sinh chuyển đi					
9	Số lượng học sinh chuyển đến					

**2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:**

**2.1 Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo**

+ *Kết quả học lực/học tập*

Khối	Số lượng HS	Kết quả học lực/ học tập									
		Giỏi/ Tốt		Khá		Trung bình/Đạt		Yếu/ Chưa đạt		Kém	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
6	159	61	38.4	60	37.7	38	23.9	0	0	0	0
7	129	44	34.1	52	40.3	33	25.6	0	0	0	0
8	109	53	48.6	40	36.7	16	14.7	0	0	0	0
9	149	81	54.4	53	35.6	15	10.1	0	0	0	0
<b>Toàn trường</b>	<b>546</b>	<b>239</b>	<b>43.8</b>	<b>205</b>	<b>37.5</b>	<b>102</b>	<b>18.7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

+ Kết quả hạnh kiểm/rèn luyện

Khối	Số lượng HS	Kết quả / hạnh kiểm, rèn luyện							
		Tốt		Khá		Trung bình/Đạt		Yếu/ Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
6	159	151	95.0	8	5.0	0	0	0	0
7	129	117	90.7	12	9.3	0	0	0	0
8	109	98	89.9	11	10.1	0	0	0	0
9	149	139	93.3	10	6.7	0	0	0	0
<b>Toàn trường</b>	<b>546</b>	<b>505</b>	<b>92.5</b>	<b>41</b>	<b>7.5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

## 2.2 Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	<b>397</b> <b>100%</b>	159 <b>100%</b>	129 <b>100%</b>	109 <b>100%</b>	
2	Không được (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	

**3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông.**

+ Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình năm học 2023-2024 (TN.THCS): **149**

+ Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp năm học 2023-2024: **149**

+ Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục (Lớp 10 công lập; Lớp 10 hệ TX; Học nghề): **83,2%**

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Căn cứ phân bổ dự toán thu chi NSNN năm 2023; Kết quả công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023. Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
				I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	4.707.010.424	4.365.096.234				341.914.190
<b>70</b>	<b>73</b>			Giáo dục trung học cơ sở	4.707.010.424	4.365.096.234				341.914.190
		<b>1050</b>		Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.286.130					8.286.130
			1052	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)	8.286.130					8.286.130
		<b>2850</b>		Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến sản xuất, kinh doanh	1.000.000					1.000.000
			2864	Lệ phí môn bài mức (bậc) 3	1.000.000					1.000.000

		<b>6000</b>		<b>Tiền lương</b>	<b>1.845.257.502</b>	<b>1.736.125.474</b>				<b>109.132.028</b>
			6001	Lương theo ngạch, bậc	1.845.257.502	1.736.125.474				109.132.028
		<b>6050</b>		<b>Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng</b>	<b>99.840.000</b>	<b>99.840.000</b>				
			6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	99.840.000	99.840.000				
		<b>6100</b>		<b>Phụ cấp lương</b>	<b>1.143.338.751</b>	<b>1.046.639.816</b>				<b>96.698.935</b>
			6101	Phụ cấp chức vụ	28.846.502	27.128.327				1.718.175
			6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	210.323.772	178.918.872				31.404.900
			6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	537.281.847	494.532.787				42.749.060
			6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	5.922.000	5.550.000				372.000
			6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	360.964.630	340.509.830				20.454.800
Mã chương: 622										
Đơn vị báo cáo: Trường Trung Học Cơ Sở Hồ Văn Long										
Mã ĐVQHNS: 1084908										
Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
		<b>6200</b>		<b>Tiền thưởng</b>	<b>16.390.000</b>	<b>16.390.000</b>				
			6201	Thưởng thường xuyên	16.390.000	16.390.000				
		<b>6300</b>		<b>Các khoản đóng góp</b>	<b>548.110.876</b>	<b>523.512.050</b>				<b>24.598.826</b>
			6301	Bảo hiểm xã hội	408.609.010	390.766.494				17.842.516
			6302	Bảo hiểm y tế	70.047.257	66.988.541				3.058.716
			6303	Kinh phí công đoàn	46.698.169	44.003.209				2.694.960
			6304	Bảo hiểm thất nghiệp	22.756.440	21.753.806				1.002.634
		<b>6400</b>		<b>Các khoản thanh toán khác cho cá nhân</b>	<b>251.889.000</b>	<b>251.889.000</b>				
			6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	251.889.000	251.889.000				
		<b>6500</b>		<b>Thanh toán dịch vụ công cộng</b>	<b>43.023.274</b>	<b>40.513.103</b>				<b>2.510.171</b>
			6501	Tiền điện	31.822.018	31.822.018				
			6502	Tiền nước	7.436.000	7.436.000				
			6504	Tiền vệ sinh, môi trường	3.765.256	1.255.085				2.510.171
		<b>6550</b>		<b>Vật tư văn phòng</b>	<b>83.559.154</b>	<b>78.905.154</b>				<b>4.654.000</b>
			6551	Văn phòng phẩm	21.530.154	16.956.154				4.574.000

			6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	10.500.000	10.500.000				
			6599	Vật tư văn phòng khác	51.529.000	51.449.000				80.000
		<b>6600</b>		<b>Thông tin, tuyên truyền, liên lạc</b>	<b>14.403.721</b>	<b>13.445.621</b>				<b>958.100</b>
			6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	1.916.621	1.916.621				
			6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	1.645.000	1.645.000				
Mã chương: 622										
Đơn vị báo cáo: Trường Trung Học Cơ Sở Hồ Văn Long										
Mã ĐVQHNS: 1084908										
Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	6.734.000	6.734.000				
			6649	Khác	4.108.100	3.150.000				958.100
		<b>6700</b>		<b>Công tác phí</b>	<b>33.759.000</b>	<b>18.515.000</b>				<b>15.244.000</b>
			6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	5.944.000	1.285.000				4.659.000
			6702	Phụ cấp công tác phí	14.015.000	3.730.000				10.285.000
			6704	Khoản công tác phí	12.000.000	12.000.000				
			6749	Chi khác	1.800.000	1.500.000				300.000
		<b>6750</b>		<b>Chi phí thuê mướn</b>	<b>51.922.000</b>	<b>32.922.000</b>				<b>19.000.000</b>
			6757	Thuê lao động trong nước	22.800.000	3.800.000				19.000.000
			6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	29.122.000	29.122.000				
		<b>6900</b>		<b>Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng</b>	<b>68.567.000</b>	<b>68.567.000</b>				
			6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	16.130.000	16.130.000				
			6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	52.437.000	52.437.000				
		<b>7000</b>		<b>Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành</b>	<b>386.320.800</b>	<b>380.990.800</b>				<b>5.330.000</b>
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	50.259.400	50.259.400				
			7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	5.030.000	5.030.000				

			7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	123.930.000	123.930.000				
			7049	Chi khác	207.101.400	201.771.400				5.330.000
		<b>7050</b>		<b>Mua sắm tài sản vô hình</b>	<b>13.462.000</b>	<b>12.582.000</b>				<b>880.000</b>
			7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13.462.000	12.582.000				880.000
Mã chương: 622										
Đơn vị báo cáo: Trường Trung Học Cơ Sở Hồ Văn Long										
Mã ĐVQHNS: 1084908										
Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
		<b>7750</b>		<b>Chi khác</b>	<b>97.881.216</b>	<b>44.259.216</b>				<b>53.622.000</b>
			7756	Chi các khoản phí và lệ phí	514.800	514.800				
			7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	3.844.416	3.844.416				
			7799	Chi các khoản khác	93.522.000	39.900.000				53.622.000
				<b>II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</b>	<b>49.241.000</b>	<b>49.241.000</b>				
<b>70</b>	<b>73</b>			<b>Giáo dục trung học cơ sở</b>	<b>49.241.000</b>	<b>49.241.000</b>				
		<b>6150</b>		<b>Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học</b>	<b>4.800.000</b>	<b>4.800.000</b>				
			6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	4.800.000	4.800.000				
		<b>7750</b>		<b>Chi khác</b>	<b>44.441.000</b>	<b>44.441.000</b>				
			7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	44.441.000	44.441.000				
				<b>Tổng cộng</b>	<b>4.756.251.424</b>	<b>4.414.337.234</b>				<b>341.914.190</b>

**Nơi nhận:**

- Thông báo;
- Website của trường;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG****Nguyễn Duy Đạt**